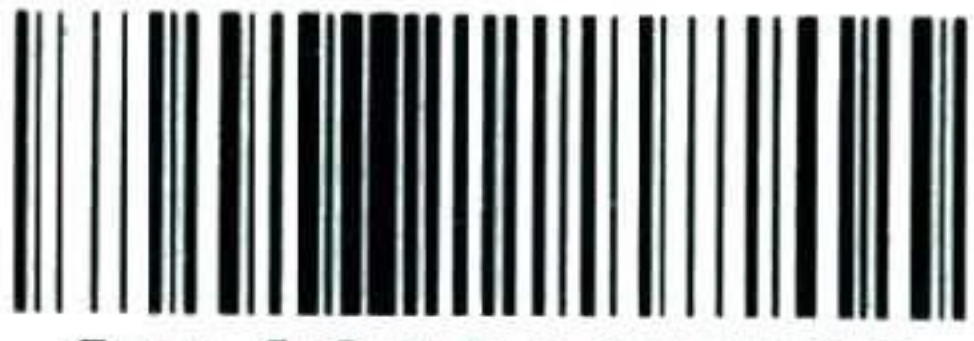


3



CK.0000063908

ỆT HÙNG

NGỮ NGHĨA HỌC

TỪ BÌNH DIỆN HỆ THỐNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG

NGUYỄN
HỌC LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ VIỆT HÙNG

NGŨ NGHĨA HỌC

Từ bình diện hệ thống đến hoạt động

(In lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Mã số: 01.01.29/1001 – ĐH 2013

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	7
MỞ ĐẦU VỀ NGỮ NGHĨA HỌC	11
I. Một vài nét về quá trình hình thành bộ môn Ngữ nghĩa học	11
II. Các khuynh hướng và các trường phái Ngữ nghĩa học hiện đại.....	20
III. Quan hệ giữa Ngữ nghĩa học với các bộ môn của Ngôn ngữ học truyền thống	22
Phần một. NHỮNG VẤN ĐỀ NGỮ NGHĨA HỆ THỐNG	25
Chương một. NGHĨA TRONG CẤU TRÚC TÍN HIỆU NGÔN NGỮ	25
I. Nghĩa và tín hiệu.....	25
II. Các tính chất của tín hiệu ngôn ngữ	27
III. Quan hệ giữa mặt biểu đạt và được biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ	33
Chương hai. NGHĨA CỦA TỪ TRONG HỆ THỐNG VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH NGHĨA CỦA TỪ.....	37
I. Nghĩa của từ trong hệ thống.....	37
II. Các phương pháp phân tích nghĩa của từ trong hệ thống.....	67
III. Từ phi định danh và phương pháp xác định nghĩa của từ phi định danh	70
IV. Hiện tượng nhiều nghĩa	77

Chương ba. QUAN HỆ GIỮA KIỂU Ý NGHĨA VÀ KIỂU CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT	92
I. Vài nét về cấu tạo từ tiếng Việt.....	92
II. Kiểu ý nghĩa và việc xác định đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt	98
III. Vai trò chức năng của các âm tiết trong tên riêng và đặc điểm cấu tạo của tên riêng	101

Chương bốn. NGHĨA CỦA TỪ TRONG HỆ THỐNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ VĂN HOÁ – TƯ DUY – NGÔN NGỮ CỘNG ĐỒNG	111
I. Quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá	111
II. Bức tranh ngôn ngữ về thế giới – đặc trưng văn hoá – tư duy cộng đồng ngôn ngữ.....	117

Chương năm. CẤU TRÚC Ý NGHĨA BIỂU NIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG NGỮ PHÁP CỦA TỪ	140
I. Quan hệ giữa ý nghĩa biểu niệm và hoạt động ngữ pháp	140
II. Sự hiện thực hoá nét nghĩa trong kết hợp từ	143

Phần hai. NHỮNG VẤN ĐỀ NGỮ NGHĨA HOẠT ĐỘNG..... 153

Chương một. CÁC PHƯƠNG DIỆN NỘI DUNG CỦA TÍN HIỆU NGÔN NGỮ	153
I. Mặt nội dung của tín hiệu ngôn ngữ.....	153
II. Nghĩa – ý – ý nghĩa	154
III. Quan niệm hẹp và quan niệm rộng về Ngữ nghĩa học.....	159
IV. Quan niệm về đối tượng nghiên cứu của Ngữ nghĩa học ...	162

Chương hai. SỰ HIỆN THỰC HOÁ CÁC THÀNH PHẦN NGHĨA CỦA TỪ TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG	163
I. Thành phần nghĩa biểu vật	164
II. Thành phần nghĩa biểu niệm	172
III. Thành phần ý nghĩa ngữ pháp	178
IV. Thành phần nghĩa biểu thái	182
Chương ba. XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN TÍCH NGHĨA CỦA TỪ TRONG HOẠT ĐỘNG	185
I. Quan hệ tuyến tính – cơ sở xác định nghĩa cho từ	185
II. Quan hệ trường nghĩa và việc lí giải nghĩa của từ trong hoạt động	187
III. Một vài khía cạnh phân tích trường nghĩa trong tác phẩm văn chương	201
Chương bốn. CÁC NHÂN TỐ CHI PHỐI VIỆC LĨNH HỘI NGHĨA CỦA PHÁT NGÔN	207
I. Câu và phát ngôn.....	207
II. Các thành phần nghĩa của phát ngôn và diễn ngôn (ngôn bản)	207
III. Sự chi phối của các yếu tố ngôn ngữ đến nội dung nghĩa mệnh đề phát ngôn	211
IV. Sự chi phối của hoạt động giao tiếp, các nhân tố giao tiếp đến việc lựa chọn và lĩnh hội nghĩa	212
Chương năm. Ý NGHĨA HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ – MỘT LOẠI Ý NGHĨA CỦA NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG.....	227
I. Khái quát về hành động ngôn ngữ.....	227
II. Phân loại hành động ngôn ngữ	230

III. Điều kiện để thực hiện hành động ngôn ngữ.....	236
IV. Cách thức thực hiện hành động ngôn ngữ.....	237
V. Sự kiện lời nói.....	248
VI. Hành động ngôn ngữ và vấn đề văn hoá giao tiếp cộng đồng	248
Chương sáu. Ý NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ Ý NGHĨA HÀM ẨN.....	250
I. Ý nghĩa tường minh (còn gọi là ý nghĩa hiển ngôn, ý nghĩa theo câu chữ)	250
II. Ý nghĩa hàm ẩn	250
III. Tiền giả định và hàm ngôn.....	253
IV. Cơ chế tạo hàm ngôn.....	257
V. Phân loại tiền giả định.....	262
KẾT LUẬN.....	267
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	270
Tiếng Việt.....	270
Tiếng Nga	274
Tiếng Anh.....	274
DANH MỤC CÁC BÀI BÁO CỦA TÁC GIẢ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ BIÊN SOẠN CHUYÊN LUẬN	279

LỜI NÓI ĐẦU

Nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ ở trạng thái tĩnh mà đại diện là nghĩa của từ thuộc về bình diện tinh thần được vật chất hoá thông qua vô âm thanh của từ. Vì thuộc bình diện tinh thần, nghĩa của từ luôn là đối tượng khó nắm bắt được một cách chính xác. Trong khi đó, việc nắm bắt nghĩa của từ là yếu tố đầu tiên (tất nhiên ngoài ra, còn có nhiều yếu tố khác), quyết định hiệu quả của hoạt động giao tiếp.

Vì thế, khi nghiên cứu ngôn ngữ, vấn đề ngữ nghĩa được các nhà khoa học dành cho một sự quan tâm đặc biệt, gần như không có công trình nghiên cứu ngôn ngữ nào lại không đề cập đến nghĩa ở một mức độ nhất định, và ngay cả ở những công trình ngôn ngữ học cấu trúc thuần túy, thì nghĩa cũng vẫn được dành cho một vị trí xứng đáng. Bởi lẽ, việc nghiên cứu các vấn đề hình thức ngôn ngữ mà không tính đến mặt nghĩa của chúng thì việc miêu tả đó đem lại rất ít giá trị và ở nhiều chỗ không thể thực hiện được. Cảnh đó cũng không ít các công trình, các chuyên luận đề cập trực tiếp đến các vấn đề Ngữ nghĩa học đại cương, như của Wallace L. Chafe, J. Lyons... và nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh của Ngữ nghĩa học tiếng Việt, như của Hoàng Phê, Nguyễn Văn Tu, Hoàng Văn Hành, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Thiện Giáp, Lê Quang Thiêm, Nguyễn Đức Tôn, Phạm Hùng Việt, Nguyễn Văn Hiệp... Nhiều vấn đề quan trọng trong các công trình của những nhà nghiên cứu Ngữ nghĩa học đã đặt nền móng vững chắc cho những nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này.

Tiếp thu những thành tựu nghiên cứu đi trước và bằng kinh nghiệm giảng dạy chuyên đề “Ngữ nghĩa học đại cương và một số vấn đề ngữ nghĩa tiếng Việt” cho học viên cao học chuyên ngành Lí luận ngôn ngữ ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong những năm qua và với những kết quả nghiên cứu của cá nhân về ngữ nghĩa học, chúng tôi đã hình thành nên cuốn chuyên luận này nhằm trình bày những quan niệm cơ bản của chúng tôi về các bình diện nội dung của tín hiệu ngôn ngữ, các phương pháp cơ bản để phân tích ngữ nghĩa từ vựng của các từ định danh cũng như các từ phi định danh. Đặc biệt, chúng tôi dành một sự quan tâm thích đáng đến vai trò của nghĩa trong hoạt động kết hợp từ cũng như sự chi phối của các nhân tố giao tiếp đến việc sử dụng và lĩnh hội ngữ nghĩa.

Các nhà khoa học đều khẳng định, nghĩa của từ tồn tại ở hai trạng thái: tĩnh (còn gọi là nghĩa hệ thống hay nghĩa từ điển), tức trạng thái chưa được đem ra sử dụng, và động (còn gọi là nghĩa trong hoạt động, nghĩa hành chức hay nghĩa lời nói), tức trạng thái sử dụng. Hai trạng thái này có mối quan hệ với nhau chặt chẽ, nghĩa hệ thống là cơ sở để xuất hiện nghĩa hoạt động và ngược lại, nghĩa của từ trong hoạt động là điều kiện để bổ sung hiểu biết về nghĩa của từ trong hệ thống. Việc chuyển hoá từ nghĩa hệ thống đến nghĩa hoạt động tuân theo những quy luật nhất định, phụ thuộc vào quan hệ kết hợp, khả năng hiện thực hoá nghĩa hệ thống và các thành phần nghĩa hệ thống cũng như các điều kiện giao tiếp cụ thể. Song, việc nắm vững các phương pháp lĩnh hội nghĩa hệ thống có ý nghĩa quan trọng trong xác định nghĩa hoạt động. Và, có những yếu tố nào chi phối việc lĩnh hội nghĩa của từ trong hoạt động. Hai bình diện này cũng chính là mối quan tâm trực tiếp của cuốn chuyên luận này.